TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày:07/3/2018

(V/v ly hôn và nuôi con chung).

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Bích Nga-** Thẩm phán
- Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông **Nguyễn Công Hoan** - Giáo viên nghỉ hưu

2. Bà **Vũ Thị Khuôn -** Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Xuân Bốn** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Nhiệm** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương mở phiên toà công khai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 634/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXX ngày 25/01/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/02/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Hồng H**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 2B phố Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Đoàn Đức C,** sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 2B Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Văng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị Hồng H nguyên đơn trình bày: Chị và anh Đoàn Đức C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố H ngày 01/3/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến anh C thiếu trách nhiệm với vợ con, không tôn trọng và có

biểu hiện không chung thủy (sống chung với người phụ nữ khác nhưng chị không đề nghị Tòa án xem xét vấn đề này), chị cố chịu đựng vì các con và hai bên gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình đã tích cực dàn xếp nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra, cuộc sống vợ chồng ngày càng trở lên căng thẳng, không có cách nào khắc phục được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C không đến, chứng tỏ anh C không còn tình cảm với chị, không muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với anh C được nữa . Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đoàn Đức C.

* Về quan hệ con chung: Quá trình vợ chồng chung sống có hai con chung là Đoàn Thanh S, sinh ngày 10/8/2006 và Đoàn Kim G, sinh ngày 06/12/2008. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng vì hiện nay chị có nhà riêng đảm bảo chỗ ở cho 3 mẹ con, và thu nhập của chị khoảng 30- 40 triệu đồng/tháng.

* Về tài sản chung, về nợ chung, công sức : Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đoàn Đức C trình bày: Anh kết hôn với chị Đỗ Thị Hồng H, vào ngày 01/3/2006. Trước khi cưới vợ chồng được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố H. Sau ngày cưới được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn nhưng theo anh không lớn. Nguyên nhân do bất đồng về công việc làm ăn, hiện nay công việc có khó khăn, anh đi làm ăn kinh doanh xa dẫn đến chị H không hài lòng, giận hờn và nói năng không có sự kiềm chế, do thiếu tin tưởng anh và sự tác động tiêu cực từ bên ngoài nên dẫn đến việc chị H xin ly hôn. Anh C xác định mâu thuẫn chưa lớn, đề nghị Tòa án xem xét cho anh thời gian tìm biện pháp để khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng có con chung là Đoàn Thanh S, sinh ngày 10/8/2006 và Đoàn Kim G, sinh ngày 06/12/2008. Anh chưa đồng ý ly hôn nên anh chưa có quan điểm giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Vì anh chưa đồng ý ly hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Tòa án đã được tống đạt hợp lệ toàn bộ giấy tờ của Tòa án nhưnganh C có mặt một lần tại Tòa án sau đó không đến để trình bày quan điểm về biện pháp khắc phục mâu thuẫn như đề nghị của anh C tại Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình hai bên và chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của chị H và anh C theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của chị Đỗ Thị Hồng H cung cấp: Chị H, anh C kết hôn từ năm 2006. Quá trình chung sống hạnh phúc cho đến mấy năm gần

đây, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, theo bà được biết, do anh C có quan hệ với người phụ nữ khác ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Bà biết, đã gọi điện thoại bảo C, C nhận sai nhưng anh C vẫn quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Hiện nay chị H đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhưng anh C không đồng ý, bà đã khuyên giải cho cả hai anh chị nên cư xử cho đúng, đừng để xảy ra xung đột, ai sai thì sửa nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn. Việc vợ chồng Hải, C mâu thuẫn đã được hai bên gia đình tích cực dàn xếp, bên thông gia rất buồn, phía bố, mẹ anh C cũng không biết làm thế nào được để anh C về ở với mẹ con chị H, chỉ biết khuyên chị H bình tĩnh và cố kiềm chế, hiện tại anh C vẫn sống ly thân với chị H gần 1 năm nay, bà chưa thấy sự thay đổi của anh C, nay ý kiến của bà đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của chị H được ly hôn anh C, để chị H làm ăn và nuôi con và ổn định cuộc sống.

Tòa tiến hành lấy lời khai của ông Đoàn Văn K là bố đẻ của anh Đoàn Đức C được biết: C kết hôn với chị năm 2006 kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới chị H về gia đình ông sinh sống được khoảng 2 năm thì ra ăn riêng. Quá trình vợ chồng H, C sinh sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng H, C gia đình ông cũng đã khuyên bảo nhưng không có kết quả, vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, không bảo ban được nhau, gia đình cũng biết chị H không tin tưởng và có nghi ngờ việc anh C có biểu hiện sống buông thả, không chung thủy với vợ. Về phía gia đình cũng đã có biện pháp như nhờ họ hàng bảo ban góp ý cho vợ chồng và góp ý riêng với anh C về việc quan hệ xã hội, nhưng anh C lặng im và cho rằng đó chỉ là sự hiểu lầm chứ không có vấn đề gì, ông cũng đã nói nếu vợ chồng không còn tình cảm thì vợ chồng chia tay nhau theo cách lịch sự, có văn hóa, nếu sau này nghĩ lại thì vẫn có thể quay về vì vợ chồng còn có 2 con chung. Hiện anh C đang làm kinh doanh điện thoại ở thành phố Hải Phòng thỉnh thoảng mới về nhà. Quan điểm của gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo cung cấp của địa phương phường P, thành phố H nơi ở của chị H và anh C cung cấp: Anh Đoàn Đức C và chị Đỗ Thị Hồng H kết hôn từ năm 2006, quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, có lần gia đình nhờ khu dân cư phải can thiệp nhưng vợ chồng Hải C vẫn xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh Đoàn Đức C vẫn cư trú tại 2B Đ, khu 5 phường P, thành phố H nhưng có đi làm ăn xa nên thi thoảng mới về nhà. Chị H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh C vắng mặt không có lý do. Chị H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, được nuôi 2 con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng; Anh C không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc mà quan hệ vợ chồng ngày càng xấu đi. Anh C đã được tống đạt hợp lệ toàn

bộ giấy tờ của Tòa án nhưng không đến, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh C theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và giai đoạn xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng chị H đều chấp hành và tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; anh C chấp hành không nghiêm quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án thành phố Hải Dương đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên việc đưa vụ án ra xét xử của Toà án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147; khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Đỗ Thị Hồng H ly hôn anh Đoàn Đức C.

2. Về con chung: Giao con Đoàn Thanh S, sinh ngày 10/8/2006 cho anh C; giao con Đoàn Kim G, sinh ngày 06/12/2008 cho chị Đỗ Thị Hồng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 3/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đoàn Đức C, chị Đỗ Thị Hồng H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Anh C không có ý kiến.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Hồng H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm Hôn nhân và Gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã giao giấy triệu tập đương sự và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Đoàn Đức C, anh C vắng mặt tại phiên tòa ngày 09/02/2018 Tòa quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Chị Đỗ Thị Hồng H và anh Đoàn Đức C kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 01/3/2006 tại Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị H và anh C sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, dẫn đến anh C thiếu trách nhiệm với vợ con, không tôn trọng và có biểu hiện không chung thủy (sống chung với người phụ nữ khác), nhưng vấn đề này chị H không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết). Mặc dù hai bên gia đình đã tích cực dàn xếp, khuyên can nhưng không có kết quả, cuộc sống vợ chồng càng ngày xung đột sâu sắc, không thể giải quyết được. Gia đình anh C cũng không có cách nào để bảo ban được anh C về sống cùng chị H cùng nuôi dạy con chung. Anh C không muốn ly hôn và đề nghị Tòa án cho anh thời gian để tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh C không làm được, phía chị H vẫn kiên quyết ly hôn, không cho anh cơ hội đoàn tụ vợ chồng. Tòa triệu tập nhiều lần nhưng anh C không đến để thể hiện quan điểm xin đoàn tụ theo giấy triệu tập của Tòa án. Như vậy, anh C đã tự tước bỏ và không thực hiện quyền của mình trước pháp luật. Điều đó chứng tỏ anh C không còn tình cảm và không quan tâm đến việc chị H xin ly hôn tại Tòa án. Với những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị H và anh C đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn anh C theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung là Đoàn Thanh S, sinh ngày 10/8/2006 và Đoàn Kim G, sinh ngày 06/12/2008. Hiện nay các cháu đang ở với chị H, quan điểm của chị H xin được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Hai cháu S và G xin được ở với chị H. Anh C không có quan điểm về con chung. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung của chị H; ý kiến của hai cháu Đoàn Thanh S và Đoàn Kim G xin được ở với chị H. Hiện nay anh C có cửa hàng kinh doanh điện thoại ở Thành phố Hải Phòng thỉnh thoảng mới về nhà (Bút lục số 27), việc chăm sóc, dạy dỗ, chi phí học hành, ăn uống đều do chị H phải đảm nhiệm lo cho các con. Trong quá trình giải quyết vụ án anh C không có quan điểm hoặc có văn bản gửi đến Tòa án đề cập đến việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng để ổn định cuộc sống cũng như bảo đảm quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu S, cháu G cần chấp nhận yêu cầu của chị H được nuôi hai con chung, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và vay nợ: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147; khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147; khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho Đỗ Thị Hồng H ly hôn anh Đoàn Đức C.

2. Về con chung: Giao con Đoàn Thanh S, sinh ngày 10/8/2006 và Đoàn Kim G, sinh ngày 06/12/2008 cho chị Đỗ Thị Hồng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 3/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đoàn Đức C được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Hồng H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0002530 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-VKSND TP.Hải Dương;
- T.H.A DS TP. Hải Dương;
- UBND Phường P, thành phố H.
- Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Bích Nga